

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án: Đường ven biển (ĐT. 639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 8279/BKHĐT-KTĐPKT ngày 20/11/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự án Đường ven biển (ĐT. 639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến đến Đề Gi, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2019;

Xét đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 561/TTr-BQLGT ngày 16/4/2019 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 214/BC-SKHĐT ngày 18/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, với nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đường ven biển (ĐT. 639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh.

3. Mục tiêu đầu tư

- Triển khai thực hiện dự án góp phần hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển của cả nước nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh; tạo trục cảnh quan kết nối huyện Phù Cát với thành Phố Quy Nhơn và phát triển quỹ đất dọc hai bên tuyến đường nhằm phát triển du lịch biển.

- Xây dựng hoàn thiện tuyến đường ven biển phục vụ phát triển kinh tế xã hội gắn với an ninh, quốc phòng; đồng thời khai thác lợi ích kinh tế ven biển, phục vụ các ngành cảng biển, du lịch, nuôi trồng và khai thác thủy sản...

- Góp phần hoàn thiện tuyến đường đối ngoại phía Bắc của Khu kinh tế Nhơn Hội nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội trong thời gian đến.

4. Nội dung và quy mô đầu tư

a. Nội dung đầu tư

- Tuyến Đường ven biển (ĐT. 639), đoạn Cát Tiến đến Đề Gi xây dựng với quy mô đường cấp III, đồng bằng (TCVN 4054-2005).

- Điểm đầu tại Km16+125 tuyến ĐT.639 (Nút giao tại khu vực chùa Linh Phong).

- Điểm cuối tại Km37 + 628, khu vực cảng cá Đề Gi, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát.

b. Quy mô đầu tư

- Chiều dài đầu tư xây dựng $L = 21,503$ km.

- Tốc độ thiết kế $V = 80$ km/h.

- Mặt đường BTN cấp cao A1; $E_{yc} > 140$ Mpa.

- Tải trọng thiết kế cầu: HLx93; cống H30-XB80.

- Tần suất thiết kế $P = 4\%$.

- Mặt cắt ngang: $B_n = 0,50m \times 2 + 2 \times 3,50m \times 2 + 5,5m = 20,50m$.

- Riêng đối với các đoạn đi qua đèo Chánh Oai, Tân Thanh, Vĩnh Hội thiết kế mặt cắt ngang: $B_n = 0,5m \times 2 + 2 \times 3,50m \times 2 + 1,5m = 16,50m$.

- Xây dựng công trình thoát nước:

+ Cầu Đá Bàn tại Km19+480 (Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 272-05): Quy mô xây dựng cầu vĩnh cửu, dầm BTCT dự ứng lực, 01 nhịp $L = 24,0m$. Mặt cắt ngang cầu gồm 02 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên rộng $B = 8,50m$.

+ Hệ thống cống thoát nước ngang và thoát nước dọc tuyến.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục: Điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông, cây xanh trong dải phân cách.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

6. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh làm chủ đầu tư dự án thành phần thực hiện công tác

yl

bồi thường, GPMB và tái định cư của dự án theo quy định hiện hành. Ban QLDA Giao thông tỉnh thực hiện công tác cắm cọc giải phóng mặt bằng để bàn giao cho Ban GPMB tỉnh lập hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án.

7. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông (đường bộ). Cấp II.

8. Phương án thiết kế cơ sở

a. Phần đường

- Kết cấu nền đường: Đắp bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K95.
- Kết cấu mặt đường làm mới:
 - + Bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.
 - + Nhũ tương dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.
 - + Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
 - + Nhựa thấm bám 1Kg/m^2 .
 - + Cấp phối đá dăm loại I ($D_{\max} = 25$) dày 15 cm.
 - + Cấp phối đá dăm loại I ($D_{\max} = 37,5$) dày 18 cm.
- Kết cấu mặt đường thảm tăng cường trên mặt đường BTXM, BTN cũ như sau:
 - + Bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.
 - + Nhũ tương dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.
 - + Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
 - + Nhũ tương dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.
 - + Bù vênh đá dăm đen.
 - + Nhũ tương dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.
- Kết cấu mặt đường trên nền đá cứng, như sau:
 - + Bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.
 - + Nhũ tương dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.
 - + Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
 - + Nhựa thấm bám 1Kg/m^2 .
 - + Cấp phối đá dăm loại I ($D_{\max} = 25$) dày 15 cm.
- Nhánh nối: Kết nối điểm cuối tuyến với đường ĐT.633, chiều dài $L = 262,11\text{m}$. Bề rộng nền đường $B_n = 7,5\text{m}$, $B_m = 6,5\text{m}$. Kết cấu mặt đường như sau:
 - + Kết cấu mặt đường mở rộng, làm mới:
 - Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
 - Nhũ tương dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.
 - BTXM C20 dày 15cm.
 - Nền đắp K98 dày 30cm.
 - + Kết cấu trên mặt đường BTXM cũ:
 - Bù vênh và thảm bê tông nhựa C19 dày 7cm.
 - Nhũ tương dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.

- Nút giao: Trên tuyến gồm có 03 nút giao (tại đèo Vĩnh Hội Km18+100, đèo Tân Thanh Km20+900 và đèo Tân Thắng Km29+200). Các nút giao dạng đồng mức, sử dụng các đảo tam giác, giọt nước kênh hóa các dòng xe đảm bảo ATGT, kết hợp trồng cây xanh trong đảo.

- Đường giao dân sinh: Vuốt nối các đường dân sinh vào tuyến với chiều dài 30-50m. Kết cấu áo đường tương tự như kết cấu nhánh nối.

- Dải phân cách ở các đoạn có $B_{nền} = 20,5m$: Bó vỉa bê tông C20 đúc sẵn lắp ghép. Bên trong dải phân cách trồng cây và khóm cây bụi (*cây cau để, cây hoa giấy, cây cau vua,...*). Xây dựng các trạm bơm trên dải phân cách với khoảng cách trung bình 250m/trạm.

- Dải phân cách ở các đoạn có $B_n = 16,5m$: Bằng khối bê tông C20 đáy rộng 50cm, cao 85cm.

b. Phân công trình thoát nước

- *Công trình cầu*: Xây dựng 01 cầu Đá Bàn tại Km19+480.

+ Tần suất thiết kế: $P = 4\%$.

+ 01 nhịp chiều dài $L = 24m$. Mặt cắt ngang cầu gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên rộng 8,5m.

+ Kết cấu: Dầm I, bằng BTCT dự ứng lực $L = 24m$. Lớp bê tông bản mặt cầu dày 20cm, lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa dày 7cm. Mố cầu bằng BTCT đổ tại chỗ, móng cọc BTCT 40x40cm.

- *Cống ngang khẩu độ lớn*: Toàn tuyến có 12 cống hộp, kết cấu bằng BTCT.

- *Cống ngang thoát nước nhỏ*: Cống ngang thoát nước nhỏ bố trí tại các vị trí tuyến đi cắt qua các kênh, mương thủy lợi và các khe thoát nước lưu vực.

- *Thoát nước dọc*: Đối với các đoạn đi qua khu vực đông dân cư bố trí hệ thống rãnh dọc chịu lực bằng bê tông cốt thép có nắp dẹt kích thước (0,6x0,6)m.

c. Điện chiếu sáng: Xây dựng mới đường dây 22kV và 11 trạm biến áp 50kVA cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng. Trụ điện được bố trí ở giữa dải phân cách, khoảng cách trung bình giữa 2 trụ khoảng 30m.

d. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT.

đ. Hạng mục khác

- Gia cố mái taluy nền đường: đoạn nền đường đắp thông thường, mái taluy được trồng cỏ hoặc lát văng cỏ chống xói mòn. Đối với các đoạn nền đắp mà taluy đắp lấn vào suối, ao được gia cố bằng tấm ốp BTCT, kết cấu tấm ốp bằng BTCT C16 đúc sẵn 40x40x6cm.

- Cải mương: đoạn tuyến đi lấn mương thủy lợi thì bố trí cải mương hợp lý, đảm bảo sau khi xây dựng công trình thì hệ thống mương thủy lợi vẫn phục vụ tưới tiêu bình thường.

76

9. Tổng mức đầu tư của công trình: 1.261.350.678.000 đồng (Một nghìn hai trăm sáu mươi một tỷ, ba trăm năm mươi triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 672.481.224.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 1.741.949.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 7.581.946.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 30.014.809.000 đồng;
- Chi phí khác : 49.505.728.000 đồng;
- Chi phí bồi thường, GPMB và TĐC: 354.913.883.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 145.111.139.000 đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2022.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19 (M.15b)



Phan Cao Thắng